

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HC-ST**
Ngày 16 tháng 9 năm 2021
V/v: “*Kiến quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Dụng và bà H’Mơ Niê

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 46/2021/TLST-HC ngày 10/5/2021 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐ-ST ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1954 - Có mặt

Địa chỉ: Số X đường Y, tổ dân phố O, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Địa chỉ: Số K đường L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2021) - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B – Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số p đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1959
2. Ông Đinh Văn G, sinh năm 1977
3. Ông Đinh Văn P, sinh năm 1979
4. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1983
5. Bà Đinh Thị Mỹ V, sinh năm 1984

6. Bà Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Số X đường Y, tổ dân phố O, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T, ông Đinh Văn G, ông Đinh Văn P, ông Đinh Văn L, bà Đinh Thị Mỹ V, bà Đinh Thị Mỹ L: Ông Đinh Văn N (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đinh Văn N trình bày:

Thửa đất số 36A, tờ bản đồ số 65 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 65), diện tích 3.023m² tại tổ dân phố q, phường t, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông ký hợp đồng nhận khoán đất và cây cà phê trên đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê B (sau đây gọi tắt là Công ty cà phê B) vào ngày 04/4/2012. Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty cà phê B, trong đó diện tích đất gia đình ông nhận khoán cũng bị thu hồi. Ngày 21/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Gia đình ông được bồi thường cây trồng và tài sản gắn liền với đất, không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất, không được hỗ trợ về đất, không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Sau khi gia đình ông khiếu nại, ngày 09/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường cho gia đình ông chi phí đầu tư còn lại vào diện tích đất bị thu hồi nhưng không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, không hỗ trợ về đất, cho gia đình ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ một phần Quyết định số: 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số: 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải ban hành Quyết định phương án hỗ trợ cho gia đình ông về đất, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất trồng cây cà phê bị thu hồi.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty cà phê B, trong đó có 3.008,1m² đất trồng cây cà phê, mà gia đình ông N nhận khoán của Công ty vào ngày 04/4/2012; Hiện nay, Công ty cà phê B đã bị giải thể nên hợp đồng nhận khoán đất trồng cây cà

phê giữa gia đình ông N và Công ty không còn hiệu lực. Vì vậy, diện tích đất gia đình ông N nhận khoán bị thu hồi đất, không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; Đề nghị Tòa án xem xét và xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N, xét thấy: Thừa đất số 36A, tờ bản đồ số 65, diện tích 3.023m² tại tổ dân phố q, phường t, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông N ký hợp đồng nhận khoán đất của Công ty cà phê B ngày 04/4/2012. Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty cà phê B, trong đó có diện tích đất nhận khoán của gia đình ông N. Ngày 21/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 3102/QĐ-UBND và ngày 09/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 4801/QĐ-UBND, bồi thường cho gia đình ông N cây trồng và tài sản gắn liền với đất, chi phí đầu tư còn lại vào đất khi nhà nước thu hồi đất; Ủy ban nhân dân thành phố B, chưa xem xét hỗ trợ cho gia đình ông N ổn định đời sống và sản xuất, chưa hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 5 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; vi phạm điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nam, huỷ một phần Quyết định số: 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số: 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B; Bác yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ về đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi không rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Thừa đất số 36A, tờ bản đồ số 65 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 65), diện tích đo đạc thực địa 3.008,1m² tại tổ dân phố q, phường t, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông Đinh Văn N ký hợp đồng nhận khoán đất và cây cà phê trên đất của Công ty cà phê B vào ngày 04/4/2012; Ngày 04/01/2017,

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059,7m² đất của Công ty cà phê B, trong đó có diện tích đất của gia đình ông N nhận khoán vườn cây cà phê. Ngày 21/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B. Gia đình ông N được bồi thường cây trồng và tài sản khác gắn liền với diện tích đất bị thu hồi; Gia đình ông N không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất; không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Sau khi gia đình ông N và nhiều hộ gia đình khác có đất bị thu hồi khiếu nại, ngày 09/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 4810/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung bồi thường cho gia đình ông Nam chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ cho hộ gia đình ông N ổn định đời sống và sản xuất, không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, là thiếu sót, vi phạm các điểm a, b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật đất đai năm 2013, vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 19 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) và khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Ngày 08/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành văn bản số: 4017/UBND đồng ý lập phương án bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông N và các hộ gia đình khác. Tuy nhiên, đến ngày xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố B chưa ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N, huỷ một phần Quyết định số: 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 và Quyết định số: 4810/QĐ-UBND ngày 09/7/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông N ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất cà phê nhận khoán bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Việc ông N yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải hỗ trợ về đất đối với diện tích đất nhận khoán bị thu hồi, là không có căn cứ, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N về yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N được Tòa án chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; các điểm a, b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 19 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017), khoản 2 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N.

1. Hủy một phần Quyết định số: 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số: 4810/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố Buôn Ma Thuột đối với thửa đất số 36A, tờ bản đồ số 65 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 65), diện tích 3.008,1m² tại tổ dân phố q, phường t, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, của hộ gia đình ông Đinh Văn N.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông Đinh Văn N ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, đối với diện tích đất cả phê nhận khoán bị thu hồi.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông về đất đối với diện tích đất nhận khoán bị thu hồi.

Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; Ông Đinh Văn N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Báo cho người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA DS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Huân
(Đã ký)